

HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO VIỆN CNHSMT XÂY DỰNG, ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG

I. Thành phần tham dự: Ban lãnh đạo viện CNHS-MT, TS. Nguyễn Ngọc Hiền, TS. Tăng Xuân Hải, TS. Trần Tất Thắng, TS. Quế Anh Trâm, trợ lý đào tạo cùng toàn thể cán bộ của Bộ môn Điều dưỡng - Hoá dược

Địa Điểm: Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường

Thời gian: 14h00 ngày 1/7/2023

Chủ trì: PGS.TS. Cao Tiến Trung

Thư ký: TS. Lê Thế Tâm

II. Nội dung: Thảo luận thống nhất góp ý về xây dựng khung chương trình của ngành Điều dưỡng

1. PGS.TS: Cao Tiến Trung, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và đào tạo, chủ trì cuộc họp: tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần, thông qua chương trình cuộc họp.

2. TS. Nguyễn Ngọc Hiền: trình bày chủ trương của Nhà trường về việc định hướng xây dựng chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO.

3. TS. Hồ Đình Quang: trình bày khung chương trình dự kiến, điều kiện ràng buộc các học phần, phân tiết học phần dự án.

THIẾT LẬP ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC HỌC PHẦN KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân kỳ	Học phần học trước
1.	NUR21001	Nhập môn ngành Điều dưỡng	4	1	
2.	NUR30029	Hoá học	2	1	

3.	NUR30030	Nghiên cứu và thống kê y học	3	1	
4.	NUR30028	Sinh học và di truyền	4	1	
5.	NUR20018	Tin học và ứng dụng trong y học	3	1	
6.	NUR30010	Điều dưỡng cơ sở I	4	2	
7.	NUR30031	Giải phẫu lâm sàng	5	2	Sinh học và di truyền
8.	NUR20005	Hóa sinh y học	2	2	Hoá học
9.	ENG10001	Tiếng anh I	3	2	
10.	POL11001	Triết học mác - Lê nin	3	2	
11.	NUR30011	Điều dưỡng cơ sở II	4	3	Điều dưỡng cơ sở I
12.	NUR30033	Mô phôi	2	3	Sinh học và di truyền
13.	POL11002	Kinh tế chính trị mác Lê Nin	2	3	
14.	NUR30032	Sinh lý người	3	3	Sinh học và di truyền
15.	ENG10002	Tiếng Anh 2	4	3	Tiếng anh I
16.	NUR31012	Điều dưỡng bệnh nội khoa	4	4	Điều dưỡng cơ sở II
17.	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	4	
18.	NUR31006	Dược lý	4	4	Hóa sinh y học
19.	NUR20004	Tâm lý đạo đức y học	3	4	
20.	NUR31008	Vì sinh - Dịch tễ học	4	4	
21.	NUR31013	Điều dưỡng bệnh ngoại khoa	4	5	Điều dưỡng cơ sở II
22.	NUR31003	Ký sinh trùng	5	5	Sinh học và di truyền
23.	NUR30004	Sinh lý bệnh và miễn dịch	4	5	Sinh học và di truyền
24.	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	5	
25.	NUR31009	Y học cổ truyền	3	5	Dược lý
26.					
27.	NUR30014	Điều dưỡng cấp cứu và điều trị tích cực	3	6	Điều dưỡng cơ sở II

28.	NUR30018	Điều dưỡng nhi	3	6	Điều dưỡng cơ sở II
29.	NUR31017	Điều dưỡng phụ sản	4	6	Điều dưỡng cơ sở II
30.	NUR31007	Dinh dưỡng – Tiết chế	3	6	Hóa sinh y học
31.	NUR30002	Lí sinh học	3	6	Nhập môn ngành Điều dưỡng
32.	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	6	
33.	NUR31021	Điều dưỡng truyền nhiễm	2	7	Điều dưỡng cơ sở II
34.	NUR31025	Quản lý điều dưỡng	4	7	Nhập môn ngành Điều dưỡng
35.	NUR31027	Thực tập và đồ án tốt nghiệp	8	8	Điều dưỡng cơ sở II
36.	NUR20003	Giáo dục sức khỏe	3	7	Nhập môn ngành Điều dưỡng
37.	NUR20002	Sức khỏe môi trường	4	7	Nhập môn ngành Điều dưỡng
38.	NUR30020	Chăm sóc người bệnh HIV/AIDS	3	7	Điều dưỡng truyền nhiễm
39.	NUR30019	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	3	7	Điều dưỡng cơ sở II
40.	NUR30024	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	3	3	Điều dưỡng cơ sở II
41.	NUR30023	Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	3	7	Y học cổ truyền
42.	NUR31015	Chăm sóc sức khỏe gia đình	2	7	Điều dưỡng cơ sở II
43.	NUR31022	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	7	Điều dưỡng cơ sở II

XÁC NHẬN PHÂN TIẾT CHO CÁC HỌC PHẦN DẠY HỌC DỰA VÀO DỰ ÁN
NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết				Phân kỳ
				LT	TH	TL/ BT	ĐAHP	
1.	NUR21001	Nhập môn ngành Điều dưỡng	4	2	0		2	1
2.	NUR30031	Giải phẫu lâm sàng	5	3	1		1	2
3.	NUR30011	Điều dưỡng cơ sở II	4	2	1		1	3
4.	NUR31012	Điều dưỡng bệnh nội khoa	4	2	0		2	4
5.	NUR31003	Ký sinh trùng	5	2	1		2	5
6.	NUR31017	Điều dưỡng phụ sản	4	2	0		2	6
7.	NUR31025	Quản lý điều dưỡng	4	0	0		4	7
8.	NUR31027	Thực tập và đồ án tốt nghiệp	8	0	0		5	8

XÁC NHẬN PHÂN TIẾT CHO CÁC HỌC PHẦN DẠY HỌC DỰA VÀO DỰ ÁN
NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết						Phân kỳ	
				LT	TH	TL / BT	ĐA HP	TT/ KT	ĐA/ KL TN		
9.	NUR21001	Nhập môn ngành Điều dưỡng	4	2	0		2			1	Không thay đổi
10.	NUR30031	Giải phẫu lâm sàng	5	3	1		1			2	Không thay đổi
11.	NUR30011	Điều dưỡng cơ sở II	4	2	1		1			3	Không thay đổi
12.	NUR31012	Điều dưỡng bệnh nội khoa	4	2	0		2			4	Không thay đổi
13.	NUR31003	Ký sinh trùng	5	2	1		2			5	Có thay đổi

14.	NUR31017	Điều dưỡng phụ sản	4	2	0		2			6	Không thay đổi
15.	NUR31025	Quản lý điều dưỡng	4	0	0		4			7	Có thay đổi
16.	NUR31027	Thực tập và đồ án tốt nghiệp	8	0	0		5			8	Không thay đổi

- TS. Lê Thế Tâm: Nên phân bổ các môn tự chọn chỉ tập trung vào 1 kỳ 7 sang các kỳ khác như: kỳ 5,6 để dễ dàng phân thời khoa biểu cũng như phù hợp với thực tế lâm sàng của sinh viên, tránh tình trạng 8 môn tự chọn chỉ tập trung vào 1 kỳ 7 sẽ rất khó cho việc phân bổ giờ dạy.

- TS. Hồ Đình Quang: trình bày tiêu chí đánh giá về học phần dạy học dự án/đồ án theo quy định của Nhà trường.

- TS. Tăng Xuân Hải: giảm số tín chỉ học phần cơ sở ngành, tăng thời lượng thực hành lâm sàng. Điều chỉnh học phần Điều dưỡng nội khoa sang học phần dạy học dự án/đồ án với thời lượng đồ án/dự án là 02 tín chỉ.

III. Phần kết luận:

PGS.TS. Cao Tiến Trung kết luận, thống nhất khung chương trình năm học 2023-2024 như sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần (1)	Số tín chỉ	Số tiết (2)				TT TN	ĐA TN	Mô đun	Phân kỳ
					LT	TH	TL/BT	ĐA HP				
1	NUR21001	Nhập môn ngành Điều dưỡng	×	4	30	0	0	30	0	0	GDĐC	1
2	NUR30028	Sinh học và di truyền	×	4	45	15	0	0	0	0	GDĐC	1
3	NUR30029	Hóa học	×	2	14	15	9	0	0	0	GDĐC	1
4	NUR20018	Tin học ứng dụng trong y học	×	3	30	15	0	0	0	0	GDĐC	1
5	NUR30030	Nghiên cứu và thống kê y học	×	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	1
6	POL11001	Triết học Mác-Lênin	×	3	30	0	15	0	0	0	GDĐC	2
7	ENG10001	Ngoại ngữ 1 (Anh, Đức, Nhật)	×	3	30	0	15	0	0	0	GDĐC	2
8	NUR30031	Giải phẫu lâm sàng	×	5	45	0	0	30	0	0	GDCN	2

9	NUR20005	Hóa sinh y học	√	2	15	15	0	0	0	0	GDĐC	2
10	NUR30010	Điều dưỡng cơ sở I	×	4	30	30	0	0	0	0	GDCN	
	NAP10001	Giáo dục quốc phòng 1(Đường lối QPAN)	×	(2)	30	0	0	0	0	0		(1-3)
	NAP10002	Giáo dục quốc phòng 2(Công tác QPAN)	×	(2)	30	0	0	0	0	0		(1-3)
	NAP10003	Giáo dục quốc phòng 3 (Quân sự chung)	×	(2)	15	15	0	0	0	0		(1-3)
	NAP10004	Giáo dục quốc phòng 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)	×	(2)	4	26	0	0	0	0		(1-3)
	SPO10001	Giáo dục thể chất	×	(5)	15	60	0	0	0	0		(1-3)
11	POL11002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	×	2	20	0	10	0	0	0	GDĐC	3
12	ENG10002	Ngoại ngữ 2 (Anh, Đức, Nhật)	×	4	45	0	15	0	0	0	GDĐC	3
13	NUR30032	Sinh lý người	×	3	30	15	0	0	0	0	GDCN	3
14	NUR30011	Điều dưỡng cơ sở II	×	4	30	0	0	30	0	0	GDCN	3
15	NUR30033	Mô phôi	×	2	15	15	0	0	0	0	GDCN	3
16	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	×	2	20	0	10	0	0	0	GDĐC	4
17	NUR20004	Tâm lý đạo đức y học	×	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	4
18	NUR31006	Dược lí	×	4	45	15	0	0	0	0	GDCN	4
19	NUR31012	Điều dưỡng bệnh nội khoa	×	4	30	0	0	30	0	0	GDCN	4
20	NUR31008	Vì sinh - Dịch tễ học	×	4	45	15	0	0	0	0	GDCN	4
21	NUR31003	Ký sinh trùng	×	5	45	0	0	30	0	0	GDCN	5
22	NUR30004	Sinh lí bệnh - miễn dịch	×	4	45	15	0	0	0	0	GDCN	5
23	NUR31013	Điều dưỡng bệnh ngoại khoa	×	4	30	30	0	0	0	0	GDCN	5
24	NUR31009	Y học cổ truyền	×	3	15	30	0	0	0	0	GDCN	5
25	POL11004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	×	2	20	0	10	0	0	0	GDĐC	5
26	NUR31007	Dinh dưỡng - Tiết chế	×	3	30	15	0	0	0	0	GDCN	6
27	NUR30002	Lí sinh học	×	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	6
28	NUR30014	Điều dưỡng cấp cứu và điều trị tích cực	×	3	15	30	0	0	0	0	GDCN	6
29	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	×	2	20	0	10	0	0	0	GDĐC	6
30	NUR31017	Điều dưỡng phụ sản	×	4	30	0	0	30	0	0	GDCN	6
31	NUR30018	Điều dưỡng nhi	×	3	15	30	0	0	0	0	GDCN	6
32	NUR31021	Điều dưỡng truyền nhiễm	×	2	15	15	0	0	0	0	GDCN	7

33	NUR31025	Quản lý điều dưỡng	×	4	30	0	0	30	0	0	GDCN	7
34		Tự chọn 1	√	3	30	0	15	0	0	0	GDCN	7
35		Tự chọn 2	√	3	30	15	0	0	0	0	GDCN	7
36		Tự chọn 3	√	3	30	15	0	0	0	0	GDCN	7
37		Tự chọn 4	√	2	15	15	0	0	0	0	GDCN	7
38	NUR31027	Đồ án và thực tập tốt nghiệp	×	0	0	0	0	0	45	75	GDCN	8

Thư ký



TS. Lê Thế Tâm

Chủ tọa



PGS.TS. Cao Tiến Trung